

Thứ hai, ngày 13 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đấu tranh quanh ngưỡng 870

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/07/2020		•	
Tuần 13/7-17/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa với sắc xanh bao phủ các mã cổ phiếu. Nhưng đà tăng yếu dần theo thời gian và chính thức đảo chiều vào giữa phiên chiều. Dòng tiền đầu tư tăng nhẹ trở lại khi có 8/19 nhóm ngành tăng điểm trong phiên. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm nhẹ, độ rộng thị trường tiêu cực và biên độ không đổi cho thấy tâm lý giao dịch thận trọng vẫn đang chủ đạo các hoạt động giao dịch khi. BSC ước tính VN-Index sẽ tiếp tục duy trì nhịp vận động tích lũy trong vùng điểm 860-880 điểm trước khi hình thành xu hướng mới.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/7/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số chìm trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Xây dựng_1.3%**

Phân tích kỹ thuật: GVR_Mô hình 2 đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.49** điểm, đóng cửa **868.72** điểm. HNX-Index **-0.01** điểm, đóng cửa **115.65** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS(+0.33)**; **VCB(+0.21)**; **FPT(+0.19)**; **CTG(+0.16)**; **REE(+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB(-1.1)**; **VRE(-0.37)**; **VHM (-0.29)**; **VNM(-0.25)**; **BID (-0.22)**.
- Giá trị khốp lệnh của VN-Index đạt **3,490** tỷ đồng, giảm **-8.2%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 9.84 điểm, không đổi so với phiên liền trước. Thị trường có **149** mã tăng, **54** mã tham chiếu và **230** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-64.3** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VRE (-25.6 tỷ)**, **VNM (-23.4 tỷ)** và **SSI(-18.9 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.04** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhqv@bsc.com.vn

VN-INDEX **868.72**Giá trị: 3490.37 tỷ **-2.49 (-0.29%)**

Khối ngoại (ròng): -64.3 tỷ

HNX-INDEX **115.65**Giá trị: 623.32 tỷ **-0.01 (-0.01%)**

Khối ngoại (ròng): -0.04 tỷ

UPCOM-INDEX **57.28**Giá trị: 0.2 tỷ **0.03 (0.05%)**

Khối ngoại(ròng): 1.21 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.8	-1.85%
Giá vàng	1,808	0.52%
Tỷ giá USD/VND	23,181	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,289	0.57%
Tỷ giá JPY/VND	21,654	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	21.25%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-0.62%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BID	20.0	VRE	25.6
DHC	19.2	VNM	23.4
E1VFN30	18.6	SSI	18.9
CTG	18.1	GEX	16.8
PLX	14.9	STB	11.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
13/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Xây dựng	1.3%	1.3%	9.5%	9.5%	9.5%	1.3%	19.7%
Ngành Dược	1.1%	1.1%	3.8%	3.8%	3.8%	-4.9%	18.2%
Nước & Năng lượng	0.7%	0.7%	6.4%	6.4%	6.4%	-4.8%	16.9%
Đầu tư công	0.4%	0.4%	5.8%	5.8%	5.8%	-0.2%	20.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	0.3%	2.9%	2.9%	2.9%	7.4%	15.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	0.1%	4.4%	4.4%	4.4%	-8.5%	18.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	0.1%	5.3%	5.3%	5.3%	-10.1%	19.6%
VN Diamond	0.0%	0.0%	5.3%	5.3%	5.3%	-12.4%	19.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.1%	-0.1%	4.8%	4.8%	4.8%	-11.7%	21.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.3%	-0.3%	5.8%	5.8%	5.8%	-13.1%	16.9%
Ngân Hàng	-0.3%	-0.3%	6.1%	6.1%	6.1%	-3.1%	23.1%
Corona Avengers	-0.3%	-0.3%	5.4%	5.4%	5.4%	0.4%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.4%	-0.4%	6.1%	6.1%	6.1%	-5.7%	21.4%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-0.4%	3.1%	3.1%	3.1%	-8.0%	17.0%
VN FinSelect	-0.4%	-0.4%	5.5%	5.5%	5.5%	-5.4%	19.8%
Dầu khí	-0.5%	-0.5%	3.1%	3.1%	3.1%	-21.2%	25.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	-0.5%	4.5%	4.5%	4.5%	-8.6%	16.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	-0.5%	5.9%	5.9%	5.9%	-0.3%	22.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	-0.6%	4.6%	4.6%	4.6%	2.6%	20.8%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-0.6%	4.2%	4.2%	4.2%	-8.4%	18.7%
BDS & Khu công nghiệp	-0.7%	-0.7%	3.7%	3.7%	3.7%	-6.2%	17.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.8%	-0.8%	6.9%	6.9%	6.9%	7.7%	26.2%
Stay-at-home	-1.4%	-1.4%	6.2%	6.2%	6.2%	11.0%	17.9%
Hàng tiêu dùng	-1.7%	-1.7%	6.1%	6.1%	6.1%	2.2%	20.1%
Lãi suất giảm	-2.1%	-2.1%	7.4%	7.4%	7.4%	4.1%	19.9%
Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.8%	0.8%	7.1%	7.1%	7.1%	-5.4%	21.3%
M22	0.1%	0.1%	3.7%	3.7%	3.7%	-2.0%	18.9%
M12	0.0%	0.0%	3.8%	3.8%	3.8%	-6.4%	20.0%
S21	-0.2%	-0.2%	3.5%	3.5%	3.5%	-9.0%	20.1%
L22	-0.3%	-0.3%	3.6%	3.6%	3.6%	-6.9%	20.1%
M31	-0.3%	-0.3%	5.0%	5.0%	5.0%	-6.8%	21.5%
L11	-0.3%	-0.3%	3.4%	3.4%	3.4%	-7.1%	17.7%
S32	-0.8%	-0.8%	4.6%	4.6%	4.6%	-14.7%	22.6%
S11	-0.9%	-0.9%	4.0%	4.0%	4.0%	1.9%	
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.2%	0.2%	4.0%	4.0%	4.0%	-4.4%	17.3%
HIGH3	-0.2%	-0.2%	4.7%	4.7%	4.7%	-0.3%	19.5%
MID1	-0.5%	-0.5%	6.2%	6.2%	6.2%	6.6%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	-0.3%	-0.3%	5.3%	5.3%	5.3%	-9.6%	17.0%
VN30INDEX	-0.4%	-0.4%	4.6%	4.6%	4.6%	-8.3%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	10	15	10	15	15	10
Mục tiêu	9	5	4	5	4	1	8
Rủi ro	3	2	1	2	1	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

GVR_Mô hình 2 đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng đi ngang.

Nhận định: GVR đang trong xu hướng hình thành mô hình 2 đáy. Thanh khoản cổ phiếu vẫn ở đang quay trở lại ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD vẫn đang ủng hộ xu hướng tích lũy ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã đang nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn chưa hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế tại vùng giá 11.0-11.5, chốt lời tại ngưỡng giá 14.0 và cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 11.0.



Nguồn: BSC, PT KT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

KQKD quý 1.2020: DT và LNST lần lượt đạt 2,744.5 tỷ đồng (-20% yoy) và 336 tỷ đồng (+7% yoy). Biên LNG duy trì ở mức 19%.

Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNNT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019.

Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1,800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su), ước tính tổng số tiền đền bù GVR thu được vào khoảng 855 tỷ đồng.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express GVR 2020Q2**

Thông tin chi tiết mời truy cập [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.39	-0.58%	-3.10%	0.60%	-31.60%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.20	-0.35%	-1.40%	0.60%	-29.99%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	124.52	-0.42%	-1.10%	1.80%	-31.34%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1801.57	-0.11%	1.40%	3.60%	26.35%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.61	-0.20%	3.30%	2.80%	12.12%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	903.00	0.17%	0.70%	3.00%	-5.54%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	523.75	-0.24%	6.50%	2.50%	-6.18%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.24	0.29%	5.50%	23.70%	41.75%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	146.01	-0.58%	0.90%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.84	-1.99%	-2.70%	-1.60%	-14.20%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.75	-1.25%	-5.00%	-1.90%	-17.50%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6300.00	1.09%	3.70%	9.10%	5.79%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	529.86	-0.38%	3.90%	3.30%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1664.00	-0.06%	2.70%	3.60%	-8.97%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	112.90	-0.17%	7.20%	2.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.60	-1.37%	1.20%	2.00%	-28.18%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

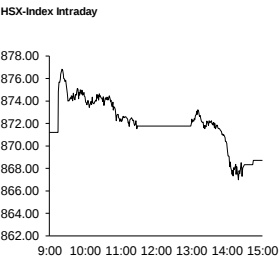
Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 0.32 USD hay 0.7% xuống 42.92USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn giảm 0.33 USD hay 0.8% xuống 40.22 USD/thùng, chủ yếu bởi thị trường thận trọng trước cuộc họp kỹ thuật của OPEC trong tuần này.

Giá vàng

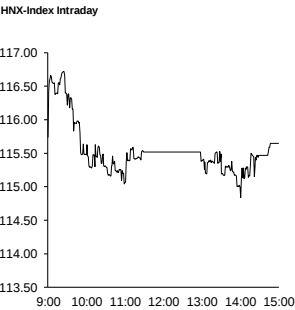
• Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 1,807.16 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tăng 0.5% lên 1,811.10 USD/ounce, chủ yếu bởi nỗi lo dịch bệnh tăng và đồng USD duy trì tại mức thấp.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

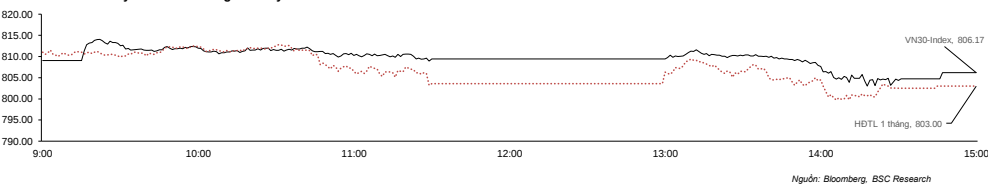
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Thực phẩm và đồ uống	-1.01%
Bảo hiểm	-0.95%
Bất động sản	-0.38%
Dịch vụ tài chính	-0.34%
Bán lẻ	-0.28%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.28%
Ngân hàng	-0.19%
Hóa chất	-0.17%
Xây dựng và Vật liệu	-0.14%
Du lịch và Giải trí	-0.10%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.13%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.13%
Dầu khí	0.16%
Truyền thông	0.20%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.48%
Y tế	0.64%
Ô tô và phụ tùng	1.16%
Công nghệ Thông tin	1.47%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	803.00	-0.09%	-3.17	-8.4%	198.350	7/16/2020	5
VN30F2008	797.00	-0.13%	-9.17	85.9%	3.961	8/20/2020	40
VN30F2009	792.10	-0.05%	-14.07	-11.4%	93	9/17/2020	68
VN30F2012	786.70	-0.28%	-19.47	89.6%	91	12/17/2020	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 2.85 điểm xuống mức 806.17 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, SAB, TCB, VNM và VRE tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 duy trì sắc xanh trong cả phiên sáng và đầu phiên chiều nhưng đã giảm điểm vào cuối phiên. VN30 có thể sẽ chưa thiết lập được xu hướng rõ ràng trong những phiên tới.

• Tất cả các HDTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2007 và VN30F2009 giảm, trong khi VN30F2008 và VN30F2012 tăng. Tất cả các hợp đồng đều không có sự thay đổi trong vị thế mở. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE2003	KIS	12/16/2020	156	2:1	299,020	-40.1%	3.0 triệu	44.22%	3,000	1,150	30.68%	265	4.33
CFPT2003	SSI	11/9/2020	119	1:1	22,940	-41.3%	2.0 triệu	32.28%	7,300	10,270	4.80%	3,310	3.10
CCTD2001	KIS	12/16/2020	156	10:1	93,530	-7.9%	1.0 triệu	55.07%	1,540	2,010	2.03%	1,222	1.65
CVHM2003	HSC	10/29/2020	108	10:1	108,170	62.5%	5.0 triệu	37.38%	1,000	1,510	0.00%	1,233	1.22
CMWG2007	SSI	11/30/2020	140	1:1	17,860	11.6%	2.0 triệu	39.80%	12,900	8,720	-2.02%	7,002	1.25
CSTB2004	SSI	11/30/2020	140	1:1	109,890	-42.5%	5.0 triệu	41.76%	1,400	1,690	-3.43%	1,498	1.13
CSTB2003	KIS	9/16/2020	65	1:1	218,100	553.6%	3.0 triệu	41.76%	1,360	1,500	-3.85%	1,024	1.47
CVNM2004	SSI	11/30/2020	140	1:1	55,240	300.3%	2.0 triệu	31.45%	17,500	14,000	-4.24%	8,423	1.66
CVNM2003	MBS	9/4/2020	53	10:1	83,320	-9.8%	3.0 triệu	31.45%	1,450	2,450	-4.30%	2,166	1.13
CVHM2001	KIS	12/16/2020	156	5:1	127,200	-53.8%	2.0 triệu	37.38%	3,100	1,510	-4.43%	650	2.32
CVHM2002	SSI	11/30/2020	140	1:1	12,520	-75.4%	1.5 triệu	37.38%	11,500	11,400	-4.84%	9,008	1.27
CHPG2009	HSC	10/29/2020	108	2:1	165,530	-34.6%	5.0 triệu	36.56%	1,600	3,090	-4.92%	2,898	1.07
CHPG2002	KIS	12/16/2020	156	2:1	170,120	-37.1%	3.0 triệu	36.56%	1,700	1,600	-5.33%	964	1.66
CHPG2008	SSI	11/30/2020	140	1:1	72,570	-59.8%	5.0 triệu	36.56%	4,100	3,170	-5.65%	2,564	1.24
CMWG2008	HSC	10/29/2020	108	10:1	220,530	18.7%	5.0 triệu	39.80%	1,300	830	-5.68%	669	1.24
CSTB2002	KIS	12/16/2020	156	1:1	82,110	6.5%	3.0 triệu	41.76%	1,700	1,790	-6.28%	1,157	1.55
CTCB2004	MBS	8/18/2020	36	2:1	188,510	4.9%	2.0 triệu	36.86%	1,050	1,770	-8.29%	1,716	1.03
CVRE2006	HSC	10/29/2020	108	4:1	133,660	46.0%	5.0 triệu	44.22%	1,100	1,310	-8.39%	1,184	1.11
CVPB2007	HSC	10/29/2020	108	2:1	187,010	-13.0%	5.0 triệu	45.17%	1,700	1,250	-8.76%	1,130	1.11
CTCB2005	SSI	11/30/2020	140	1:1	117,600	685.0%	3.0 triệu	36.86%	3,000	1,750	-9.79%	1,322	1.32
Tổng:					2,186,410		62.50 triệu	39.21%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 13/7/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số chìm trong sắc đỏ. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

• Về giá, CVRE2004 và CVIC2002 tăng mạnh nhất lần lượt là 350% và 150%, ở chiều hướng ngược lại, CVPB2003 và CVJC2001 giảm mạnh nhất lần lượt là 28.4% và 20.6%. Thanh khoản thị trường giảm 37.54%. CVNM2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.77% thị trường.

• Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CHPG2005 và CVPB2003. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	48.65	1.78	0.70
REE	32.90	2.81	0.18
CTG	23.95	0.63	0.15
VCB	82.90	0.24	0.11
CTD	80.80	2.28	0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	22.4	-1.32	-0.67
SAB	200.0	-2.91	-0.56
TCB	20.3	-0.73	-0.45
VNM	114.8	-0.43	-0.37
VRE	26.5	-2.03	-0.31

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.8	-0.1%	1.2	1,630	1.5	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.3	-1.0%	1.3	580	0.7	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.5	-0.8%	1.3	1,533	0.9	1,307	36.4	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	29.8	-1.0%	0.4	290	0.0	2,056	14.5	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.3	-0.1%	0.8	13,427	1.4	2,095	43.6	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.5	-2.0%	1.1	2,618	2.7	1,226	21.6	2.2	30.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	63.0	-0.9%	0.8	2,656	1.6	3,584	17.6	2.7	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	32.9	2.8%	0.8	444	1.6	4,976	6.6	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.4	-1.7%	1.3	257	1.2	2,289	5.0	0.8	40.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.0	0.0%	1.3	417	3.7	1,415	11.3	0.9	49.8%	7.8%
VCI	Chứng khoán	24.8	-0.2%	1.0	177	0.7	4,240	5.8	1.0	27.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.2	-1.0%	1.8	254	1.5	1,480	12.9	1.3	52.1%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.7	1.8%	0.8	1,658	5.6	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.3	-1.4%	0.4	533	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	74.9	0.8%	1.5	6,233	1.9	5,820	12.9	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.4	0.1%	1.5	2,433	1.2	869	53.4	2.9	14.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	0.0%	1.6	258	0.9	1,238	10.0	0.5	11.6%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	0.0%	0.8	957	0.6	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.9	1.0%	0.5	534	0.0	5,046	18.6	3.5	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.7	0.0%	0.4	249	1.2	1,006	14.6	0.7	11.2%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.0	-0.6%	0.4	206	0.5	415	21.5	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.9	0.2%	1.1	13,368	1.3	4,848	17.1	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.3	-0.5%	1.4	7,222	1.9	2,140	19.3	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.0	0.6%	1.2	3,877	6.5	2,510	9.5	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.4	-1.3%	1.2	2,369	2.5	3,750	6.0	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.2	-0.3%	1.0	1,803	1.7	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.9	-0.4%	1.0	1,728	1.9	3,780	6.3	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.4	0.9%	0.9	194	0.2	5,303	10.3	1.7	81.6%	17.0%
NTP	Nhựa	31.6	1.9%	0.4	162	0.1	4,208	7.5	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.3	-0.6%	0.4	658	0.1	356	43.0	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.7	-0.4%	1.1	3,319	17.6	2,764	10.0	1.5	36.3%	17.4%
HSG	Thép	11.9	0.9%	1.5	229	4.5	1,493	7.9	0.9	11.6%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	114.8	-0.4%	0.7	8,692	4.7	5,453	21.1	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	200.0	-2.9%	0.8	5,576	1.3	6,719	29.8	7.4	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	56.6	-0.5%	1.0	2,877	1.4	3,961	14.3	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.5	-1.0%	0.8	370	2.7	171	85.0	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.5	0.8%	0.8	5,632	0.6	3,450	17.2	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	108.0	0.0%	1.1	2,460	1.7	7,110	15.2	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.3	-0.6%	1.7	1,619	0.3	1,654	15.9	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.3	0.5%	0.9	249	0.2	1,583	12.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.4	-0.5%	1.1	127	0.4	2,117	4.9	0.7	24.1%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.0	-1.4%	1.0	425	0.3	9,201	6.8	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.0	-2.4%	0.7	390	0.3	1,453	13.8	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	0.0%	1.0	230	0.2	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	80.8	2.3%	1.0	268	3.2	8,032	10.1	0.7	45.9%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.6	0.0%	0.3	511	0.0	1,498	17.8	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.2	-0.3%	0.3	188	1.2	1,775	10.2	0.8	38.3%	8.5%
POW	Điện	10.1	0.0%	0.6	1,023	1.0	1,028	9.8	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	22.3	0.2%	0.5	278	0.3	2,543	8.8	1.5	18.3%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	74.90	0.81	0.33	592380.00
VCB	82.90	0.24	0.21	371630.00
FPT	48.65	1.78	0.19	2.66MLN
CTG	23.95	0.63	0.16	6.13MLN
REE	32.90	2.81	0.08	1.12MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-1.10	150810.00	1.11MLN
VRE	0.00	-0.37	2.29MLN	607060.00
VHM	0.00	-0.29	988800.00	373600.00
VNM	0.00	-0.25	943850.00	192700.00
BID	0.00	-0.23	1.04MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	4.28	7.00	0.00	17300.00
HU3	7.77	6.88	0.00	110.00
DAT	21.10	6.84	0.02	2710.00
MCP	10.65	6.82	0.00	10.00
DTT	12.55	6.81	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	9.44	-7.00	0.00	9350.00
LCM	0.68	-6.85	0.00	48440.00
TIX	27.90	-6.84	-0.02	40.00
HRC	36.30	-6.80	-0.02	30.00
SSC	51.10	-6.75	-0.02	50.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIF	17.90	5.29	0.03	2600.00
NTP	31.60	1.94	0.02	63400.00
DGC	40.20	0.75	0.02	225800.00
DST	6.80	9.68	0.02	998500.00
DHT	48.00	1.69	0.01	23500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.90	-0.42	-0.16	1.84MLN
SHB	13.00	-0.76	-0.15	1.94MLN
NVB	9.10	-2.15	-0.08	3.35MLN
VCS	63.00	-1.41	-0.03	99200.00
VIX	7.20	-2.70	-0.02	142500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

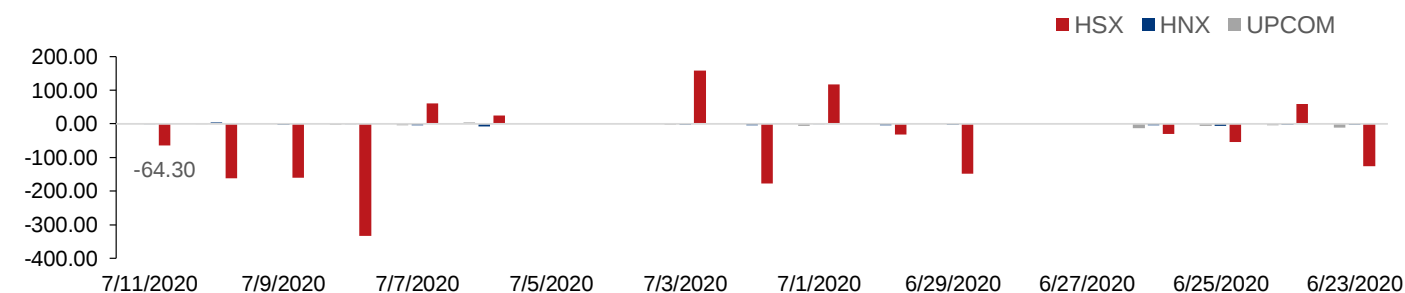
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.90	12.5	0.00	80700.00
ACM	1.00	11.1	0.01	1.42MLN
FID	1.10	10.0	0.00	23500.00
NBP	15.40	10.0	0.00	11800.00
SPI	1.10	10.0	0.00	130600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PMB	8.50	-10.53	0.00	2000.00
HKB	0.90	-10.00	0.00	318500.00
NHC	29.30	-9.85	-0.01	100.00
RCL	23.40	-9.65	-0.01	200.00
POT	13.40	-9.46	-0.01	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



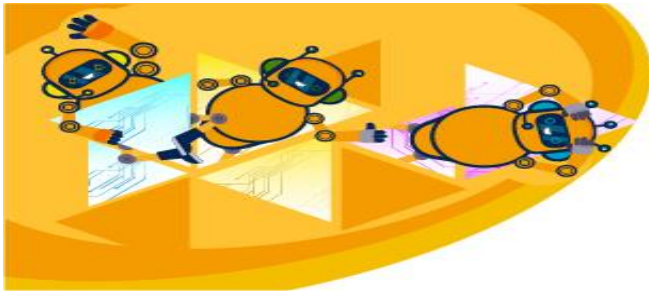
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	56.6	3,961	14.3	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.2	4,717	8.5	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.9	1,493	7.9	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.2	5,479	8.1	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.2	1,140	17.7	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.7	2,764	10.0	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.3	2,987	6.8	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.3	5,248	11.3	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	138.0	5,718	24.1	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.4	2,289	5.0	0.8	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.9	1,496	11.3	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.5	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.6	5,311	4.1	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	43.0	4,465	9.6	1.9	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.9	4,848	17.1	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.9	3,780	6.3	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	37.7	6,553	5.8	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.2	3,887	13.4	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.7	4,804	10.1	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.3	1,583	12.2	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn